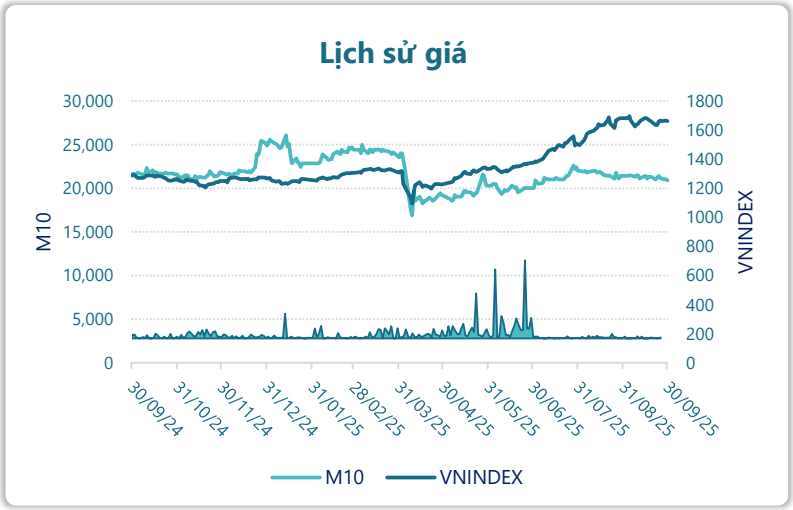
FireAnt

Tổng công ty May 10 - CTCP (UPCOM: M10)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,067
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,890
SL cổ phiếu LH	31,750,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,915
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	664
P/E	4.6
EPS	4,533

DT thuần

Q3/25

1,310

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 151| 13.0%

YoY: ▼52.0| -3.8%

LN sau thuế

Q3/25

48.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.30| 20.5%

YoY: ▲ 16.6| 51.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.0%

+/- YoY: ▲ 1.7%

DT thuần

9T 2025

3,724

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 384| 11.5%

LN sau thuế

9T 2025

124

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 46.1| 59.2%

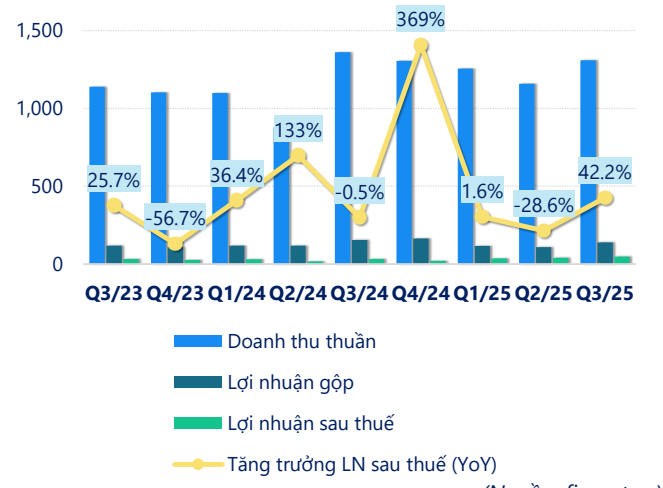
ROE

Q3/25

24.4%

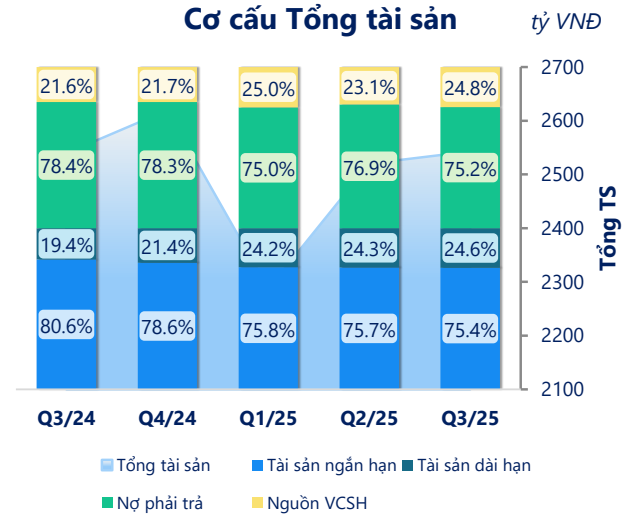
+/- YoY: ▲ 4.3%

Kết quả kinh doanh



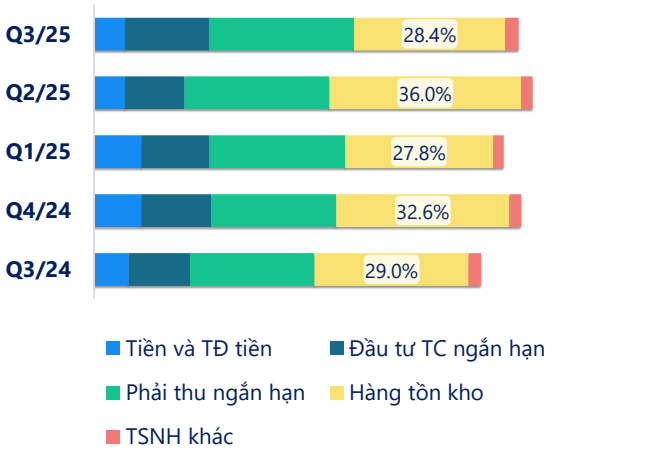
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



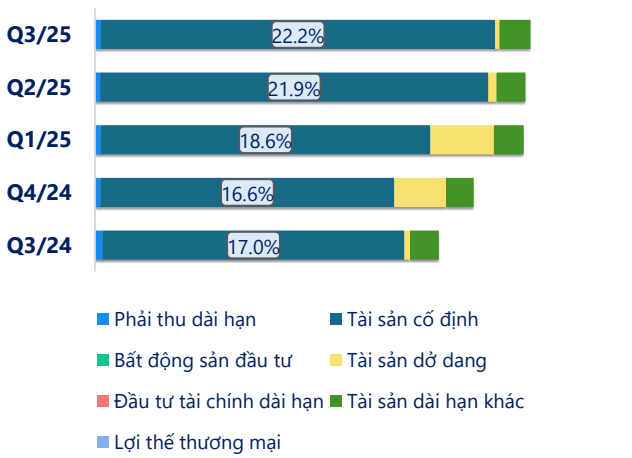
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



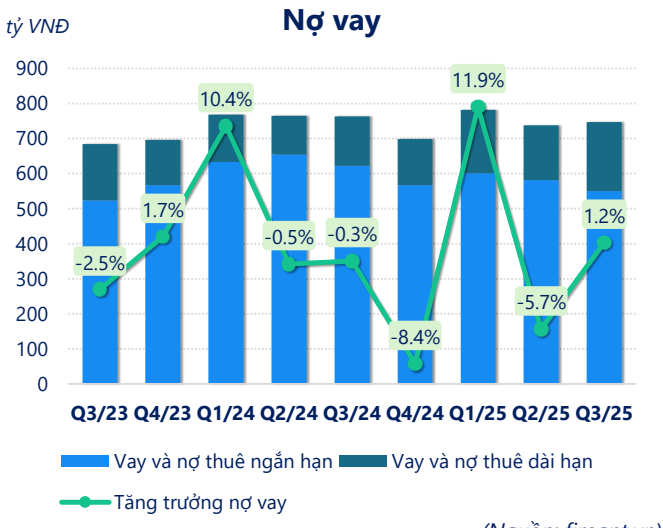
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



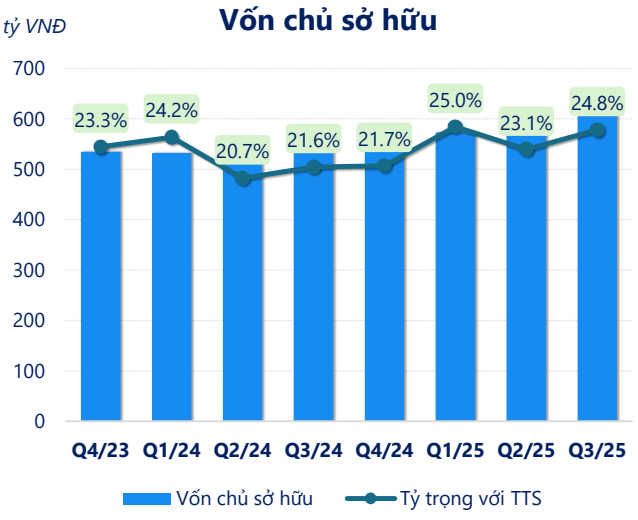
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



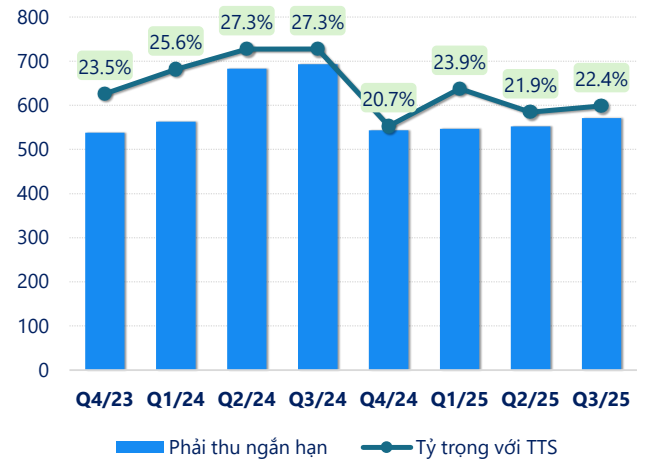
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



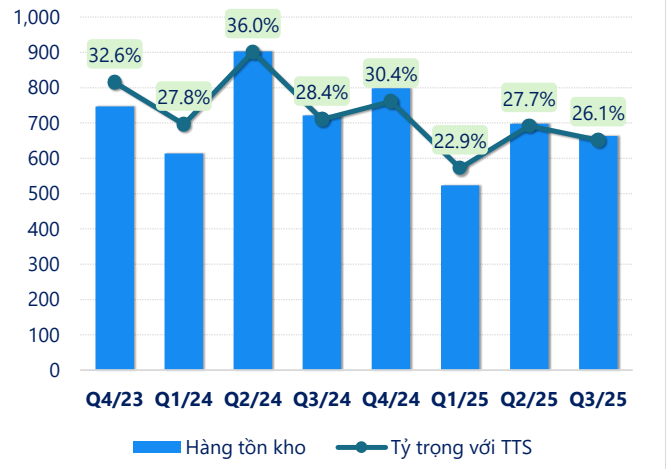
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



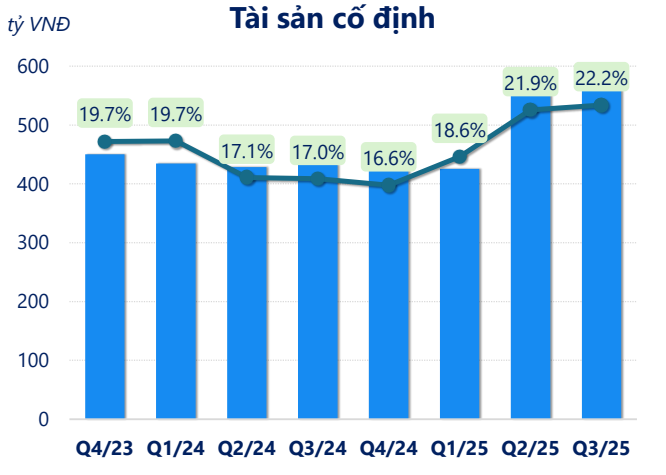
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



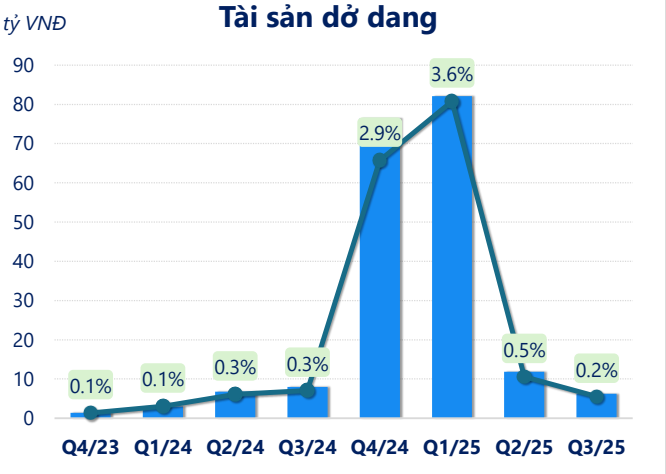
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



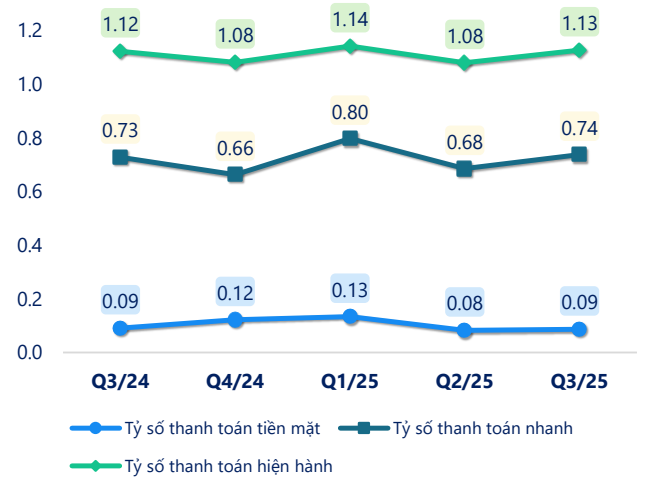
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



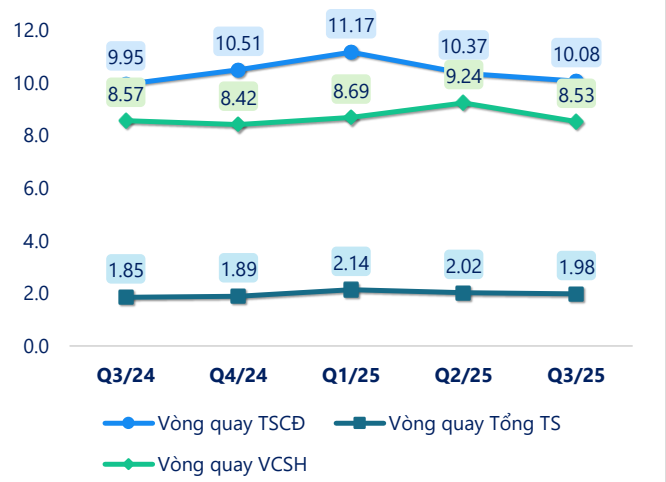
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,540**	**2,620**	**2,287**	**2,520**	**2,543**
Tài sản ngắn hạn	**2,047**	**2,060**	**1,734**	**1,908**	**1,918**
Tiền và tương đương tiền	166	232	203	146	147
Đầu tư tài chính ngắn hạn	403	408	367	395	449
Phải thu ngắn hạn	693	543	547	552	571
Hàng tồn kho	721	798	523	698	663
Tài sản ngắn hạn khác	64.2	78.7	93.6	117	88.1
Tài sản dài hạn	**493**	**560**	**553**	**612**	**625**
Phải thu dài hạn	11.0	8.25	7.51	7.35	8.51
Tài sản cố định	432	434	425	552	566
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.96	76.5	82.1	11.8	6.24
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	41.4	40.8	38.4	41.3	44.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,990**	**2,050**	**1,715**	**1,938**	**1,913**
Nợ ngắn hạn	**1,823**	**1,905**	**1,519**	**1,767**	**1,702**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	622	567	601	581	550
Phải trả người bán ngắn hạn	713	811	525	705	590
Nợ dài hạn	167	146	196	171	211
Vay và nợ thuê dài hạn	141	131	182	157	197
Nguồn vốn chủ sở hữu	**549**	**569**	**573**	**582**	**630**
Vốn chủ sở hữu	**549**	**569**	**573**	**582**	**630**
Vốn điều lệ	318	318	318	318	318
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)